

Cập nhật chuẩn mực kế toán Việt Nam về giá trị hợp lý và công cụ tài chính phù hợp với quốc tế

NGUYỄN ĐẠI HÙNG

Viện Nghiên cứu Lập pháp- Văn phòng Quốc hội

Những năm qua có rất nhiều thay đổi quan trọng trong công tác kế toán và báo cáo tài chính (BCTC). Trên bình diện quốc tế, các tổ chức ban hành chuẩn mực kế toán (CMKT) quốc tế đang trong quá trình bổ sung, sửa đổi, xây dựng trên cơ sở nền kinh tế thị trường phát triển cao, theo hướng cố gắng hài hoà các nguyên tắc kế toán được thừa nhận của Mỹ (USGAAP) và các chuẩn mực quốc tế về lập và trình bày BCTC (IFRS). Các CMKT quốc tế mới ban hành gồm 2 loại: CMKT quốc tế (IAS) và IFRS (sau đây gọi chung là CMKT quốc tế).

Cho đến nay, Việt Nam đã ban hành 26 CMKT theo 5 đợt từ năm 1999 đến 2001 và đã được bổ sung, sửa đổi. Tuy nhiên, các CMKT Việt Nam đến nay được đánh giá là không phù hợp hoặc chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế tại Việt Nam, cũng như chưa phù hợp với CMKT quốc tế, mà trong đó có nguyên nhân quan trọng là chưa có các qui định về giá trị hợp lý. Bài viết xin đề xuất các vấn đề về giá trị hợp lý và công cụ tài chính cần cập nhật trong hệ thống CMKT Việt Nam (VAS).

1. Mở đầu

Trong chương trình xây dựng Luật của Quốc hội, dự kiến Luật Sửa đổi một số điều Luật Kế toán năm 2003 sẽ được trình Quốc hội thông qua tại kì họp tháng 10/2015, trong đó nội dung

quan trọng được bổ sung là qui định về giá trị hợp lý. Đây là vấn đề phức tạp, phải qui định trong văn bản pháp luật cao nhất về kế toán để đặt ra yêu cầu nhận thức và vào cuộc của tất cả các Bộ, ngành và địa phương trong cả nước nhằm tạo dựng



khuôn khổ pháp luật và triển khai thực hiện các quy định liên quan đến giá trị hợp lý. Từ đó có đủ cơ sở pháp lý cho việc nghiên cứu ban hành các chuẩn mực kế toán làm khuôn khổ cho việc lập và trình bày BCTC doanh nghiệp (DN) được minh bạch với chất lượng cao, là nền tảng cho một nền kinh tế và hệ thống tài chính vận hành hiệu quả.

Trên bình diện quốc tế, Chuẩn mực quốc tế về lập và trình bày BCTC về giá trị hợp lý (IFRS số 13- Xác định giá trị hợp lý) do Ủy ban CMKT quốc tế (IASB) nghiên cứu trong nhiều năm qua và đến năm 2012 mới được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 hoặc sớm hơn do các nước lựa chọn. CMKT quốc tế yêu cầu hoặc cho phép DN xác định hoặc trình bày giá trị hợp lý về tài sản, nợ phải trả hoặc các công cụ vốn của DN. Tuy nhiên, do các CMKT này đã được ban hành từ lâu nên các yêu cầu về xác định giá trị hợp lý cũng như trình bày thông tin về việc xác định giá trị hợp lý chưa nhất quán. Trong nhiều trường hợp, CMKT quốc tế không nêu rõ mục tiêu xác định cũng như trình bày giá trị hợp lý. Theo đó, một số CMKT quốc tế đã ban hành đưa ra các hướng dẫn chưa đầy đủ về cách xác định giá trị hợp lý, trong khi đó một số các CMKT khác thì có hướng dẫn chi tiết hơn nhưng lại không nhất quán với nhau khi trình bày về giá trị hợp lý. Việc không nhất quán trong các quy định về xác định và thuyết minh giá trị hợp lý trong BCTC dẫn đến việc không nhất quán trong thực hiện CMKT và làm giảm tính so sánh của các thông tin trình bày trên BCTC. IFRS số 13 được ban hành nhằm khắc phục các hạn chế này.

Việc ban hành và công bố áp dụng hệ thống CMKT Việt Nam cần dựa trên cơ sở CMKT quốc tế và phù hợp với hệ thống luật pháp, trình độ, kinh nghiệm kế toán của Việt Nam. Vì vậy, cùng với việc sửa đổi Luật Kế toán, chúng ta phải nghiên cứu đồng bộ các CMKT quốc tế để có định hướng các nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong các CMKT đã và sẽ ban hành mới. Bài viết xin đề xuất các vấn đề về giá trị hợp lý và công cụ tài chính cần cập nhật trong hệ thống CMKT Việt Nam (VAS) để đáp ứng nhu cầu minh bạch thông tin tài chính trên cơ sở tiếp cận, áp dụng

các thông lệ, CMKT quốc tế mà Việt Nam chưa ban hành.

2. Cập nhật hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam về giá trị hợp lý và công cụ tài chính *Thứ nhất, cần khẩn trương nghiên cứu để ban hành CMKT về giá trị hợp lý cho phù hợp với nội dung chủ yếu của IFRS số 13*

► Về những nội dung chủ yếu của IFRS số 13 mà Việt Nam cần nghiên cứu cho phù hợp và đồng bộ trong quá trình soạn thảo hệ thống CMKT gồm:

(a) Về định nghĩa: “giá trị hợp lý là giá có thể nhận được khi bán tài sản hoặc phải trả khi chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch bình thường giữa các bên tham gia thị trường tại ngày xác định giá trị giao dịch”.

(b) Khái niệm giá trị hợp lý trong CMKT này nhấn mạnh giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở thị trường, không phải theo DN. Khi xác định giá trị hợp lý, DN sử dụng giả định mà các bên tham gia thị trường sử dụng khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả theo điều kiện thị trường, bao gồm các giả định về rủi ro. Do đó, việc DN có ý định nắm giữ một tài sản hay chuyển trả hoặc hoàn tất một khoản nợ phải trả không liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của DN đó.

(c) CMKT này quy định khi xác định giá trị hợp lý DN phải xác định rõ: (i) Tài sản hay nợ phải trả cần xác định giá trị hợp lý; (ii) Đối với tài sản phi tài chính, tần suất sử dụng tài sản cao nhất và tốt nhất đối với tài sản và tài sản đó có được sử dụng chung với các tài sản khác không hay được sử dụng độc lập; (iii) Thị trường giao dịch tự nguyện đối với tài sản hay nợ phải trả; và (iv) Kỹ thuật định giá phù hợp trong việc xác định giá trị hợp lý. Kỹ thuật định giá cần tối đa hóa việc sử dụng các yếu tố đầu vào có liên quan quan sát được và tối thiểu hóa các yếu tố đầu vào không quan sát được. Các yếu tố đầu vào này cần phải nhất quán với các yếu tố mà bên tham gia thị trường sử dụng khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả.

► Theo đó các vấn đề sau phải được nghiên cứu để qui định trong CMKT về giá trị hợp lý, gồm:

- Mục đích CMKT này cần quy định 3 nội



dung: (a) Định nghĩa giá trị hợp lý; (b) Quy định một CMKT độc lập để hướng dẫn cách xác định giá trị hợp lý; (c) Yêu cầu về việc thuyết minh giá trị hợp lý trong BCTC.

- Phạm vi áp dụng: CMKT này áp dụng trong trường hợp CMKT khác yêu cầu hoặc cho phép việc xác định giá trị hợp lý hoặc thuyết minh về việc xác định giá trị hợp lý trên BCTC. Hướng dẫn cách xác định giá trị hợp lý được quy định trong CMKT này áp dụng trong cả hai trường hợp, tại thời điểm ghi nhận ban đầu và đánh giá lại nếu các CMKT khác yêu cầu hay cho phép sử dụng giá trị hợp lý.

- Hướng dẫn các nội dung liên quan đến xác định giá trị hợp lý cho tài sản phi tài chính, cho nợ phải trả và công cụ vốn của DN.

- Quy định các kỹ thuật định giá: DN phải sử dụng những kỹ thuật định giá phù hợp với hoàn cảnh và những dữ liệu sẵn có để xác định giá trị hợp lý. Các kỹ thuật định giá được sử dụng nhằm mục đích ước tính giá khi bán một tài sản hoặc khi chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch tự nguyện giữa các bên tham gia thị trường tại ngày xác định giá trị theo điều kiện thị trường hiện tại. CMKT này cần quy định chi tiết ba kỹ thuật định giá được sử dụng rộng rãi là: (i) Phương pháp giá thị trường, (ii) phương pháp chi phí và (iii) phương pháp thu nhập. DN phải sử dụng các kỹ thuật định giá một cách nhất quán theo một hoặc nhiều phương pháp nêu trên để xác định giá trị hợp lý.

- Quy định các yếu tố đầu vào cho các kỹ thuật định giá, gồm:

(1) Các nguyên tắc chung

Các kỹ thuật định giá được sử dụng để xác định giá trị hợp lý phải sử dụng tối đa các yếu tố đầu vào có thể quan sát được có liên quan và hạn

chế sử dụng các yếu tố đầu vào không thể quan sát được.

Thị trường với các yếu tố đầu vào có thể quan sát được đối với một số tài sản và nợ phải trả (ví dụ công cụ tài chính) bao gồm thị trường hối đoái, thị trường khớp giá, thị trường môi giới và thị trường trực tiếp không qua trung gian.

(2) Hệ thống phân cấp giá trị hợp lý

Để tăng cường tính nhất quán và so sánh trong việc xác định giá trị hợp lý và các thuyết minh liên quan, CMKT này cần thiết lập một hệ thống phân cấp giá trị hợp lý gồm ba cấp đối với các yếu tố đầu vào được sử dụng cho các kỹ thuật định giá khi xác định giá trị hợp lý. Hệ thống phân cấp giá trị hợp lý này yêu cầu quyền ưu tiên cao nhất cho giá niêm yết (chưa điều chỉnh) trong thị trường hoạt động đối với cùng một nhóm tài sản hoặc nợ phải trả (các yếu tố đầu vào Cấp độ 1) và quyền ưu tiên thấp nhất cho các yếu tố đầu vào không thể quan sát được (các yếu tố đầu vào Cấp độ 3). Ba cấp độ đối với các yếu tố đầu vào gồm:

(i) Các yếu tố đầu vào Cấp độ 1: Yếu tố đầu vào Cấp độ 1 là giá niêm yết (trước điều chỉnh) trên thị trường hoạt động đối với các tài sản và nợ phải trả cùng loại mà DN có thể tiếp cận tại ngày định giá.

(ii) Yếu tố đầu vào Cấp độ 2: Yếu tố đầu vào Cấp độ 2 là các yếu tố đầu vào khác có thể quan sát được trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tài sản hoặc nợ phải trả, ngoài giá niêm yết nêu tại yếu tố đầu vào Cấp độ 1.

(iii) Yếu tố đầu vào Cấp độ 3: Là những yếu tố đầu vào không quan sát được liên quan đến tài sản/nợ phải trả.

Những yếu tố không quan sát được được sử dụng để xác định giá trị hợp lý trong trường

Các vụ bê bối về tài chính và kế toán dẫn đến sự sụp đổ các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, như Enron... càng khẳng định rõ BCTC lành mạnh là điều kiện cần thiết cho sự ổn định và tăng trưởng của tài chính toàn cầu. Yêu cầu xây dựng thể chế và năng lực kỹ thuật để cải thiện chất lượng BCTC là hết sức cần thiết. Đối với Việt Nam, đó là việc cập nhật hệ thống chuẩn mực kế toán về giá trị hợp lý và công cụ tài chính chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính.



hợp không sẵn có những yếu tố đầu vào quan sát được, nên chỉ áp dụng trong trường hợp có rất ít giao dịch liên quan đến tài sản/nợ phải trả trên thị trường tại ngày định giá. Tuy nhiên, mục tiêu xác định giá trị hợp lý vẫn giữ nguyên, tức là xác định mức giá thanh lý tại ngày định giá từ góc nhìn của chủ sở hữu tài sản hoặc chủ nợ. Vì thế, những yếu tố đầu vào không quan sát được vẫn phải phản ánh giả định mà bên tham gia giao dịch thị trường sử dụng khi xác định giá trị của tài sản/nợ phải trả, bao gồm cả giả định về rủi ro.

Thứ hai, chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính

Hướng dẫn việc phân loại công cụ tài chính (CCTC), xác định giá trị, ghi nhận và yêu cầu công khai thông tin đối với các loại CCTC, đặc biệt là các CCTC phái sinh như quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi lãi suất, tỷ giá hay hoán đổi các dòng tiền... CCTC rất phức tạp nên các quốc gia đều phải thận trọng trong việc nghiên cứu, ban hành CMKT này để đảm bảo an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng, đặc biệt là chứng khoán phái sinh như một đòn bẩy kinh tế hoặc một công cụ quản trị và ngăn ngừa rủi ro phổ biến của nhà đầu tư.

Cho đến nay các CMKT quốc tế về CCTC gồm IAS số 39- CCTC: Ghi nhận và xác định giá trị; IAS số 32- CCTC: Trình bày; IFRS số 7- CCTC: Thuyết minh thông tin; IFRS số 9- CCTC; IFRS số 13- Xác định giá trị hợp lý. Các CMKT quốc tế về CCTC thường xuyên được bổ sung, sửa đổi trong các năm qua. Từ năm 2006, Ủy ban CMKT quốc tế (IASB- tổ chức ban hành các CMKT quốc tế) và Ủy ban CMKT tài chính (FASB- tổ chức ban hành các CMKT tài chính của Hoa Kỳ, hay còn gọi là các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Hoa Kỳ- US GAAP) đã làm việc với nhau để xem xét các nội dung khác biệt giữa IFRS và US GAAP. IASB và FASB đã ký cam kết sẽ nghiên cứu, xây dựng để ban hành một bộ các CMKT quốc tế chung có chất lượng cao trên toàn cầu. Các IFRS số 13- Xác định giá trị hợp lý và IFRS số 9- CCTC (có hiệu lực từ 01/01/2015 hoặc sớm hơn do các nước lựa chọn) được ban hành là một phần kết

quả hợp tác đã đạt được giữa IASB và FASB.

Dự án xây dựng CMKT về CCTC (để thay thế các IAS số 39, 32) được IASB tiến hành theo 03 giai đoạn: IFRS số 9 đã ban hành là kết quả giai đoạn 1, trong đó chủ yếu là bổ sung, sửa đổi các nội dung về phân loại và xác định giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính quy định tại các IAS số 39, 32. Hiện nay, IASB đang triển khai thực hiện giai đoạn 2 về suy giảm giá trị CCTC và giai đoạn 3 về kế toán phòng ngừa rủi ro. Mục đích chủ yếu của IFRS số 9 đã ban hành (thay thế IAS số 39 và IAS số 32) là cam kết đạt được sự so sánh để hài hòa giữa IFRS với US GAAP và để đơn giản hóa kế toán CCTC do các IAS số 39, số 32 quá phức tạp.

Các CMKT quốc tế quy định rất chặt chẽ các nội dung liên quan đến việc xác định, ghi nhận, trình bày và thuyết minh về CCTC, các nội dung này có mối liên hệ ràng buộc nhau trong tất cả các CMKT. Do vậy, khó có thể xác định là nội dung nào không áp dụng hoặc áp dụng có giới hạn mà Việt Nam theo lộ trình phù hợp nên thừa nhận và áp dụng toàn bộ các CMKT mới nhất hiện hành về CCTC, trong đó có chứng khoán phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro và mục đích thương mại. Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu, rộng với quốc tế, việc áp dụng các CMKT quốc tế về CCTC có liên quan đến tất cả các CMKT là cần thiết để tạo ra cơ sở pháp lý và sân chơi bình đẳng cho các nhà đầu tư và DN, cung cấp thông tin trung thực, minh bạch cho người sử dụng BCTC, đồng thời để làm cơ sở và là định hướng cho việc cập nhật các CMKT đã ban hành.

3. Kết luận

Theo xu thế thời đại, khi hội nhập quốc tế trở thành một xu thế tất yếu, các giao dịch xuyên quốc gia đang ngày càng phát triển một cách mạnh mẽ hơn, tất cả các quốc gia đang tìm cách hoà hợp các Chuẩn mực kế toán trong nước với các Chuẩn mực quốc tế. Chính vì thế, cùng với các lĩnh vực khác của Việt Nam đang trong quá trình tiến tới một khuôn khổ pháp lý chung, ngành kế toán Việt Nam cũng theo con đường đó- con đường duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế để phát triển



ngành nghiệp kế toán Việt Nam phù hợp với thông lệ chung được thừa nhận nhằm tạo nền tảng cho một nền kinh tế và hệ thống tài chính vận hành minh bạch, hiệu quả, đạt được sự công nhận của khu vực và quốc tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CMKT quốc tế liên quan đến giá trị hợp lý và công cụ tài chính, gồm:

1. IAS số 39- Công cụ tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị;
2. IAS số 32- Công cụ tài chính: Trình bày;
3. IFRS số 7- Công cụ tài chính: Thuyết minh thông tin;
4. IFRS số 9- Công cụ tài chính; IFRS số 13- Xác định giá trị hợp lý.

tiếp theo trang 34

một thách thức không nhỏ, vì đòi hỏi về điều kiện kỹ thuật và chi phí khá cao. Do đó, để thực hiện được điều này, Ngân hàng Nhà nước cần phải có những lộ trình nhất định, theo từng giai đoạn cụ thể, để các NHTM có thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết, có thể xem xét việc thực hiện dần các yêu cầu về thanh khoản theo tiêu

SUMMARY

Updating Vietnamese Accounting Standards on fair value and financial instruments to align with international practice

Recent years have witnessed many important changes in the accounting and financial reporting practice. On the international level, the International Accounting Standards Board which issued International Financial Reporting Standards (IFRS) and International Accounting Standards (IAS) is in the process to supplement, amend and develop standards to suit with developed economy, in the direction of harmonizing generally accepted accounting principles in the United States (US GAAP) and International Financial Reporting Standards (IFRS). International Standards include 2 categories: International Accounting Standards (IAS) and International Financial Reporting Standards (IFRS).

Up to now, Vietnam has issued 26 Vietnam Accounting Standards (VAS) under 5 waves from 1999 to 2001 and has been supplemented and amended. However, the VAS recently has been assessed to be inappropriate or incomplete, not suitable with current requirements of Vietnam, as well as inconsistent with International Standards and the important reason of which is no current regulations on fair value. This article is proposing regulations over fair value and financial instruments need to be updated in Vietnamese Accounting Standards.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Đại Hùng

Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Lập pháp- Văn phòng Quốc hội

Lĩnh vực nghiên cứu chính:

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:

Email:

chuẩn của Basel III. Với tỷ lệ LCR đã áp dụng thì cần phải có những đánh giá xem quy định về cách tính toán như vậy có phù hợp với thực tế hoạt động của NHTM Việt Nam không? Nếu chưa phù hợp thì có những điều chỉnh cho hợp lý để đánh giá chính xác mức độ đảm bảo an toàn thanh khoản của ngân hàng thương mại. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn bản Basel III của Ngân hàng thanh toán quốc tế BIS.

tiếp theo trang 30

6. Nazery Khalid, Armi Suzana Zamil, Farida Farid (2008), *The Asian experience in developing the maritime sector: Some case studies and lessons for Malaysia*, Center for Economic Studies and Ocean Industries.

7. Ramli H. Nik (2007), *The South China Sea: From Hostility to Stability*, Maritime Institute of Malaysia.

8. Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Yên (2011), *Báo cáo thẩm định dự án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Phú Yên đến năm 2020*.

9. UBND Tỉnh Phú Yên (2013), *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020*.